



Prepared and published by the Defense Mapping Agency
Topographic Center, Washington, D. C.

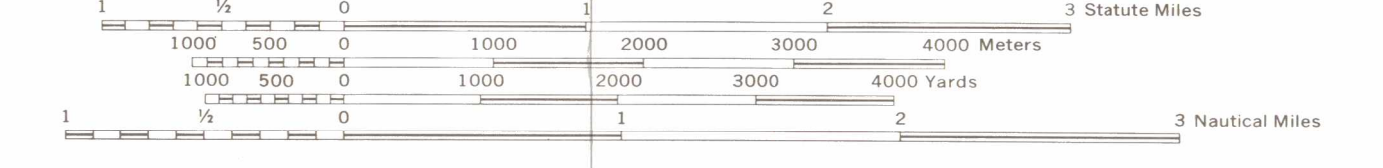
LEGEND - CHỮ TỬ

MAP INFORMATION AS OF 1971
BẢN ĐỒ TIN-TỨC NĂM 1971
On this map a LANE is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width
Tên bản đồ này một LỐI XE Đİ Đİ được coi như rộng ít nhất là 2.4 mét

The number in parenthesis following a village name indicates that more than one village is so named.
Con số trong dấu ngoặc theo sau tên làng chỉ rằng hơn một làng có mang tên đó

Where named villages or settlements appear without symbolized structures, the features could not be identified because of vegetation cover
Khi nào có tên làng mà không thấy ghi kiến trúc tác từ các chi tiết dự bị thảo mộc che lấp, không thể nhận định được.

Table with 4 columns: Symbol, Description in English, Description in Vietnamese, and Notes. Includes categories for Roads, Railroads, Forest, and various landmarks.



Scale Tỷ Lệ 1:50,000
KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 40 MÉT

SPHEROID: EVEREST
GRID: 1,000 METER UTM: ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION: TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM: APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL
HORIZONTAL DATUM: INDIAN DATUM, 1960

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
RANH GIỚI HÀNH-CHANH TRÊN BẢN-ĐỒ NÀY CHỈ THẠCH-HOÀ VỚI TÍNH-CÁCH ĐẠI-CƯƠNG

GLOSSARY - CỎ TỬ. Table listing geographical features and their Vietnamese names: Bán, Kouei, Kouei, Kouei, Núi, Sông, Tỉnh, village, mountain, stream, primary administrative division.

Supplementary information including: Elevation Guide, Boundaries, Adjoining Sheets, Grid Convergence, Magnetic Azimuth, and a table for limited distribution.